

Bản án số: 17/2023/HNGĐ – ST
Ngày 20 - 02 - 2023
V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Đức;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Đoàn;

Bà Hà Thị Mai Loan;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 783/2022/TLST- HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc “Không công nhận quan hệ vợ, chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX - ST ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm: 1975;

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(Bà H, ông C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà với ông Trần Văn C cưới nhau và về sống chung từ năm 2015, có đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An. Do vợ chồng sống chung có nhiều mâu thuẫn dẫn đến năm 2019, ông C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tại Bản án số 15/2019/HNGĐ-ST ngày 07/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử chấp nhận cho ông C và bà được ly hôn, khi đó bà và ông C chưa có con chung. Năm 2020, bà và ông C đoàn tụ lại sống chung ở nhà trọ tại xã L, huyện C, không đăng ký

kết hôn. Thời gian sống chung có được người con **Trần Thị Ngọc H1**, sinh ngày 16/10/2021. Thời gian gần đây, vợ chồng mâu thuẫn bất đồng nhiều quan điểm dẫn đến sống ly thân. Bà đưa con về nhà cha, mẹ bà ở **ấp T, xã L, huyện C** sống. Do vậy, bà yêu cầu Tòa án không công nhận giữa bà với ông **C** là quan hệ vợ, chồng.

Về con chung: Quá trình sống chung bà với ông **C** có một người con chung là **Trần Thị Ngọc H1**, sinh ngày 16/10/2021. Tại phiên tòa bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu ông **C** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên làm việc và tại phiên tòa ông **Trần Anh C1** trình bày: Về thời gian sống chung, kết hôn, tái hợp sống chung rồi có con như bà **H** trình bày. Nay vợ chồng sống chung không hòa hợp, dẫn đến mâu thuẫn nên ông đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận giữa ông với bà **H** là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: **Trần Thị Ngọc H1**, sinh ngày 16/10/2021, ông thừa nhận là con ông, đồng ý để người con cho bà **H** được tiếp tục nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà **Nguyễn Thị Thu H** và ông **Trần Văn C** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020, không đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ tranh chấp không công nhận quan hệ giữa bà **Nguyễn Thị Thu H** với ông **Trần Văn C** vợ, chồng là phù hợp với khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Theo khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thu H** với bị đơn ông **Trần Văn C** có nơi cư trú: **Ấp T, xã L, huyện C** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, được pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Thu H** và ông **Trần Văn C** sống chung với nhau như vợ, chồng từ năm 2020 cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trong khi bà **H** và ông **C** có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, khi bà **H** có yêu cầu ly hôn thì Tòa án đã thụ lý để không công nhận quan hệ giữa bà **H** với ông **C** là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ giữa bà **Nguyễn Thị Thu H** với ông **Trần Văn C** là vợ chồng.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa ông **C** thừa nhận người con **Trần Thị Ngọc H1**, sinh ngày 16/10/2021 là con ông **Trần Văn C** và bà **Nguyễn Thị Thu H**. Do

người con chưa được 03 tuổi nên giao cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Do ông C công việc không ổn định và tại phiên tòa bà H chỉ yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp theo Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có;

[5] Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu. Ông Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H với ông Trần Văn C;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Thu H với ông Trần Văn C là vợ, chồng.

2. Về con chung: Giao người con Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày 16/10/2021, cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 (một triệu) đồng đến khi cháu Trần Thị Ngọc H1 thành niên (đủ 18 tuổi), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/02/2023).

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có;

4. Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Thu H** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà **H** đã nộp theo biên lai số 0011450 ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An sang án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Ông **Trần Văn C** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CQTHA huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tuấn Đức